

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/ HNGĐ-PT

Ngày 19/01/2024

V/v: Tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đăng Huân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Thành và bà Tôn Thị Xuân Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 173/2023/TLPT- HNGĐ, ngày 16/11/2023. Do bản án hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2023/QĐXX-PT, ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **L.T.D**, sinh năm 1989.

Đăng ký HKTT: P 2306 - CT7B, khu đô thị mới D.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: số 30, ngõ 173, đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **T.Đ.T**, sinh năm 1988;

Đăng ký HKTT: P 2306 - CT7B, khu đô thị mới D.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Do có kháng cáo của anh T.Đ.T là bị đơn trong vụ án.

NHẬN THẤY:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

* **Nguyên đơn chị L.T.D trình bày:** Chị D và anh T.Đ.T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 24/06/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: P 2306-CT7B, khu đô thị mới D.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Đến tháng 01/2022 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. hay xảy ra

việc to tiếng mâu thuẫn vợ chồng. Nhiều lần vợ chồng trao đổi với nhau để đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không kết quả. Tháng 01/2023 Chị D ra ngoài thuê nhà sống ly thân đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị D xác định tình cảm hạnh phúc vợ chồng không còn đề nghị giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là T.T.C.L, sinh ngày 07/06/2017. Ly hôn, Chị D đề nghị giao cháu Lâm cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, Chị D tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, các khoản vay hoặc cho vay tài sản: Chị D không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn là anh T.Đ.T:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo các văn bản giấy tờ tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Bản án sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. *Về tình cảm:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.T.D đối với anh T.Đ.T (chị L.T.D được ly hôn anh T.Đ.T).

2. *Về con chung:* Xác nhận chị L.T.D và anh T.Đ.T có 01 con chung là cháu T.T.C.L (nam) sinh ngày 07/06/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị D, giao cháu Lâm cho anh T.Đ.T trực tiếp nuôi dưỡng, Chị D tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lâm là 4.000.000 đồng/tháng.

Chị L.T.D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung* (gồm động sản và bất động sản): Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ:* Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 11/9/2023 anh T.Đ.T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án, lý do Chị D xin ly hôn là không đúng, về phần đóng góp tiền nuôi con Chị D tự nguyện đóng góp 04 triệu đồng/tháng không đủ để nuôi con. Yêu cầu Chị D phải đóng góp tổng tiền học và tiền cấp dưỡng nuôi con là 8.200.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo, Chị D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Việc kháng cáo của bị đơn anh T đảm bảo đúng thời hạn quy định. Căn cứ Điều 27 Luật Viện kiểm sát nhân dân; Điều 37, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu nội dung kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên Bản án hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ tố tụng cho anh T hợp lệ theo quy định, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử anh T đã nhận được bản án và đã kháng cáo để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của anh T không đồng ý với quyết định của Bản án hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày

17/8/2023 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Lý do xin ly hôn như Chị D trình bày là tôi tra tấn về mặt tinh thần là không đúng, thực tế vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2023 không có quan hệ tình cảm gì. Chị D tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung là 4 triệu đồng/tháng là chưa đủ, anh T yêu cầu tổng tiền học và đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 8.200.000đồng/tháng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Chị D và anh T.Đ.T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 24/06/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa để lấy lời khai và tiến hành hòa giải để anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như để Chị D, anh T có cơ hội trao đổi, bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Có lần anh T đến Tòa án trình bày quan điểm của mình, Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận quan điểm của anh T về việc giải quyết vụ án, nhưng sau đó anh T lại từ chối ký xác nhận vào văn bản do mình trình bày và anh T cũng từ chối nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt trực tiếp cho anh T, tại các buổi làm việc tiếp theo thì anh T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc anh T đến Tòa làm việc nhưng không ký xác nhận vào các văn bản tại Tòa án hoặc không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa Chị D và anh T, thể hiện anh T cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng cũng đã trao đổi góp ý hoà giải với nhau để đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, Chị D xác định tình cảm hạnh phúc thực sự không còn đã làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T và Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá mọi mặt xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa Chị D, anh T thực sự không còn, không thể đoàn tụ chung sống lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được đã quyết định cho Chị D ly hôn với anh T theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là thoả đáng phù hợp, đúng pháp luật. Yêu cầu về số tiền Chị D phải đóng góp gồm tiền cấp dưỡng và tiền học của con chung là 8.200.000đồng/tháng là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ việc nuôi con chung trách nhiệm của cả vợ, chồng. Chị D làm nghề tự do về thời trang, thu nhập không ổn định, việc chị tự nguyện đóng góp nuôi con 4 triệu đồng/tháng như Toà án cấp sơ thẩm đã ghi nhận là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên T.T.C.L, sinh ngày 07/06/2017, hiện đang ở với anh T, khỏe mạnh. Ly hôn Chị D đề nghị và Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Lâm cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và Chị D tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/tháng, là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án do anh T vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét về vấn đề tài sản và nợ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự thì vấn đề tài sản và nợ sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 148 và Điều 289; Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, Khoản 2 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh T.Đ.T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 584/2023/HNGĐ-ST, ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L.T.D được ly hôn anh T.Đ.T.

Về con chung: Giao cháu T.T.C.L, sinh ngày 07/06/2017 cho anh T.Đ.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị D tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng (*Bốn triệu đồng*). Đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí*: Chị L.T.D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Theo biên lai thu số AA/2020/0011338, ngày 11/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

Anh T.Đ.T phải chịu án phí phúc thẩm. Được trừ đủ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo biên lai thu số AA/2021/0003785, ngày 11/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận H.Đ.
- VKSND.TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận H.Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đăng Huấn